

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng
và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thuỷ lợi nhỏ là công trình thuỷ lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn: 20 ha đối với vùng miền núi cả nước; 50 ha đối với vùng Trung du, Tây Nguyên; 100 ha đối với vùng đồng bằng; 300 ha đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng là việc áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn hoặc tưới ướt - khô xen kẽ cho cây lúa phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp.

Chương II CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình;

b) Tổ chức thuỷ lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã;

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công trình tích trữ nước đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 03 thành viên của tổ chức thuỷ lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thuỷ lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

Điều 5. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở;

b) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

c) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương

1. Nội dung chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng cống, kiên cố kênh mương: Hỗ trợ tối đa 70%, riêng vùng trung du, miền núi, Tây Nguyên hỗ trợ tối đa 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình;

b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện ở vùng đồng bằng sông Cửu Long: Hỗ trợ tối đa 40% giá trị mua máy móc, thiết bị đầu tư xây dựng.

2. Chính sách quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

Điều 7. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

2. Ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương.

Điều 8. Cơ chế hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư như sau:

a) Khi khối lượng công việc đạt 60%, được giải ngân 50%;

b) Khi khối lượng công việc đạt 100%, được giải ngân 100%.

2. Trường hợp cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 9. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ được phê duyệt;

c) Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Thủ tục nhận hỗ trợ:

a) Đối với các công trình được hỗ trợ từ nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, dự án: Việc thanh toán, giải ngân thực hiện theo các quy định của chương trình, dự án đó;

b) Đối với các công trình được hỗ trợ từ nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương: Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đầu tư xây dựng công trình lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ (bản chính) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thanh toán giải ngân vốn hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình theo kế hoạch dự toán được phân bổ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các bộ

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung theo quy định của Nghị định này. Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức về công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

b) Chỉ đạo xây dựng, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tài liệu kỹ thuật hỗ trợ các địa phương tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định của Nghị định này;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan rà soát, hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ về tài chính để thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương và bố trí các nguồn vốn khác để thực hiện các chính sách theo quy định của Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của địa phương

1. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Ban hành quy định cụ thể mức hỗ trợ của từng chính sách theo khả năng cân đối của ngân sách và bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các chính sách theo quy định của Nghị định này;

b) Ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khác ngoài các chính sách đã quy định tại Nghị định này để hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức hỗ trợ của từng chính sách trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định;

b) Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng ngân sách của địa phương, xây dựng trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khác ngoài các chính sách đã quy định tại Nghị định này;

c) Ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với đặc thù từng vùng, miền trong tỉnh;

d) Đối với các dự án thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

đ) Kiểm tra, giám sát đầu tư, khai thác công trình thủy lợi, thủy lợi nội đồng và sử dụng kinh phí hỗ trợ của ngân sách;

e) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).PC 105

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
MAU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
(Kèm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP
ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**VỀ VIỆC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG, TƯỚI TIÊN TIÊN,
TIẾT KIỆM NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên tổ chức thủy lợi cơ sở/cá nhân:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã.....hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình..... với các nội dung sau:

1. Tên công trình:

2. Chủ đầu tư:.....

3. Địa điểm xây dựng:

4. Mục tiêu đầu tư.....

5. Quy mô công trình:

- Diện tích phục vụ tưới:.....ha.

- Diện tích đất xây dựng công trình:.....m².

- Thông số kỹ thuật chủ yếu.

6. Số đối tượng được hưởng lợi từ công trình:.....hộ.

7. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng công trình:.....đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ:.....đồng, tương đương ...%

+ Kinh phí các đối tượng hưởng lợi đóng góp:.....đồng.

+ Kinh phí huy động khác (nếu có):

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã.....xem xét giải quyết./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi đầy đủ họ tên)